

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 247/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Chị Đinh Thị T; nơi cư trú: Số 490 đường Đ, tổ dân phố B 1, phường Đ 2, quận H, thành phố Hải Phòng.

+ Anh Trần Văn Q; nơi cư trú: Số 490 đường Đ, tổ dân phố B 1, phường Đ 2, quận H, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị T và anh Trần Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, quận N, thành phố Hải Phòng ngày 20 tháng 3 năm 2002 là hôn nhân hợp pháp. Qua lời trình bày của chị T và anh Q cho thấy cuộc sống hôn nhân của anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do có sự bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, dẫn đến vợ chồng không còn yêu thương nhau. Mặc dù Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng không thành. Chị T và anh Q vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

[2] Về con chung: Chị Đinh Thị T và anh Trần Văn Q xác nhận có 02 con chung là Trần Trung K, sinh ngày 14/11/2005 và Trần Trung H, sinh ngày 02/3/2008. Khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao con chung Trần Trung K cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Trần Trung H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; anh Q cấp dưỡng nuôi con cho chị T 2.000.000đồng/tháng, kể từ tháng 9/2019 đến khi con chung Trần Trung H thành niên.

[3] Về tài sản chung: Chị Đinh Thị T và anh Trần Văn Q tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị Đinh Thị T và anh Trần Văn Q thỏa thuận mỗi người chịu $\frac{1}{2}$ mức lệ phí theo quy định của pháp luật.

Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 16 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị T và anh Trần Văn Q thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là Trần Trung K, sinh ngày 14/11/2005 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung là Trần Trung H, sinh ngày 02/3/2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Q thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng trên một tháng) kể từ tháng 9/2019 cho đến khi con chung Trần Trung H thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị T cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Q phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Chị Đinh Thị T và anh Trần Văn Q tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Đinh Thị T và anh Trần Văn Q mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình. Chị T và anh Q đã nộp đủ lệ phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005219 và số 0005220 ngày 03/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự (để thi hành);
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường V;
- Lưu: VT, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Bình